

Bản án số: 01/2026/HNGĐ-ST

Ngày: 08/01/2026

"V/v Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 - QUẢNG NINH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Trung Hiếu.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lưu Xuân Giới.

Ông Trần Văn Nam.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Phạm Văn Tùng - là Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 5 - Quảng Ninh.

Ngày 08 tháng 01 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 5 - Quảng Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 142/2025/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 11 năm 2025 về việc "Ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 24/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 12 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: chị Lê Thị Ngọc D, sinh năm: 1997. Nơi thường trú: thôn TV, xã Vg, thành phố Đà Nẵng, có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1989. Nơi thường trú: khu Đ D, phường AS, tỉnh Quảng Ninh, có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại Đơn khởi kiện đề ngày 24/10 /2025, bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Lê Thị Ngọc D trình bày: chị và anh Nguyễn Văn T đăng ký kết hôn ngày 31/01/2019 tại UBND xã BD, thị xã ĐT, tỉnh Quảng Ninh (nay là phường AS, tỉnh Quảng Ninh). Sau khi kết hôn vợ chồng chị về sinh sống tại thôn Đ D, xã BD, thị xã ĐT và chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống nên vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã. Chị và anh Nguyễn Văn T đã ly thân từ cuối năm 2020 đến nay. Những mâu thuẫn trên đã thật sự sâu sắc, cuộc sống vợ chồng không thể tiếp tục kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Nay đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Văn T.

Về con chung: quá trình chung sống, chị và anh Nguyễn Văn T không có con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: chị và anh Nguyễn Văn T không có tài sản chung, không có nợ chung.

Về án phí: chị xin tự nguyện chịu toàn bộ án phí theo quy định của pháp luật.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn, anh Nguyễn Văn T thừa nhận: về thời gian, địa điểm đăng ký kết hôn, thời điểm phát sinh mâu thuẫn vợ chồng, tình trạng hôn nhân; về con chung, tài sản chung, nợ chung như chị Lê Thị Ngọc D trình bày là đúng. Anh và chị D đã ly thân từ cuối năm 2020 đến nay. Nay tình cảm vợ chồng không còn, chị D khởi kiện xin ly hôn thì anh đồng ý, đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Lê Thị Ngọc D.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, Thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, Quyết định đưa vụ án ra xét xử cho các đương sự. Nhưng nguyên đơn chị Lê Thị Ngọc D có đơn trình bày: do thiên tai, bão lụt, hoàn cảnh hiện tại của chị hết sức khó khăn, việc đi lại đến Tòa án nhân dân khu vực 5 – Quảng Ninh để giải quyết ly hôn là hết sức tốn kém, vượt quá khả năng của chị. Mặt khác, qua trao đổi, chị và anh Nguyễn Văn T đều thống nhất cùng yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn. Vì vậy, chị đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt trong toàn bộ quá trình giải quyết vụ án. Bị đơn anh Nguyễn Văn T có đơn xin xét xử vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Thấy rằng, nguyên đơn chị Lê Thị Ngọc D khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Văn T. Bị đơn anh Nguyễn Văn T đăng ký thường trú tại khu Đ D, phường AS, tỉnh Quảng Ninh. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 2 Điều 1 Luật số 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025 của Quốc hội); điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Nghị quyết số: 81/2025/UBTVQH 15 ngày 27/6/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân khu vực 5 - Quảng Ninh.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ toàn bộ các văn bản tố tụng của Tòa án cho các đương sự. Nhưng nguyên đơn vắng mặt tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ (đã có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt), đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải, đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, Tòa án không tiến hành hòa giải và

xét xử vắng mặt các đương sự là phù hợp với quy định tại khoản 4 Điều 207; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228, điểm a, b khoản 1 Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: chị Lê Thị Ngọc D và anh Nguyễn Văn T kết hôn tự nguyện, đăng ký kết hôn ngày 31/01/2019 tại UBND xã BD, thị xã ĐT, tỉnh Quảng Ninh (nay là phường AS, tỉnh Quảng Ninh). Hôn nhân của anh, chị là hợp pháp. Chị Lê Thị Ngọc D có quyền làm đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn anh Nguyễn Văn T theo quy định tại khoản 1 Điều 51 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Căn cứ vào lời khai của các đương sự và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận thấy mâu thuẫn giữa chị Lê Thị Ngọc D và anh Nguyễn Văn T phát sinh do vợ chồng bất đồng quan điểm sống. Vợ, chồng sống mỗi người một nơi và đã ly thân từ cuối năm 2020 đến nay. Xét thấy tình trạng mâu thuẫn giữa chị D và anh T là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Việc chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của chị Lê Thị Ngọc D đối với anh Nguyễn Văn T là phù hợp với thực trạng quan hệ hôn nhân của anh, chị; phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình và điểm a khoản 3 Điều 4 Nghị quyết số: 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

[3] Về con chung: chị Lê Thị Ngọc D và anh Nguyễn Văn T không có con chung nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: chị Lê Thị Ngọc D và anh Nguyễn Văn T không có tài sản chung, không có nợ chung, nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án: Nguyên đơn chị Lê Thị Ngọc D phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6] Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.
Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 2 Điều 1 Luật số 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025 của Quốc hội); điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228, điểm a, b khoản 1 Điều 238, Điều 266; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Khoản 1 Điều 51; Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn chị Lê Thị Ngọc D.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị Ngọc D được ly hôn anh Nguyễn Văn T.

2. Về án phí: Chị Lê Thị Ngọc D phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm được trừ vào số tiền tạm ứng án phí ly hôn sơ thẩm đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số: 0001884 ngày 12 tháng 11 năm 2025 tại Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ninh. Chị Lê Thị Ngọc D đã nộp đủ.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND Khu vực 5 – Quảng Ninh;
- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- VKSND tỉnh Quảng Ninh;
- THADS tỉnh Quảng Ninh;
- UBND phường AS, tỉnh Quảng Ninh.
- Lưu VP; hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(đã ký)

Nguyễn Trung Hiếu